

Số: 729 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 20 tháng 4 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước;*

*Căn cứ Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án: “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh”;*

*Căn cứ Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 07/10/2021 của UBND tỉnh triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định tại Tờ trình số 473/TTr-HĐTD ngày 13/4/2022.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh (kèm theo Phụ lục).

**Điều 2.** Căn cứ kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021:

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm, có giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2022; đồng thời, đây là cơ sở để đánh giá năng lực chỉ đạo, điều hành và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp và là một trong những tiêu chí đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng.

2. Giao Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh đánh giá, xếp loại chất lượng người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Ủy



ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ban TĐKT tỉnh;
- Sở Nội vụ (03 bản);
- LĐVP, NC;
- Lưu: VT, (N52).



CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền



Phụ lục 1

**Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-UBND ngày 20 / 4 /2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng điểm 2020	Điểm thẩm định 2021	Điểm ĐTXHH 2021	Tổng điểm 2021	Chỉ số CCHC 2021 (%)	Xếp loại
1	Sở Xây dựng	98.98	74.69	20.98	95.66	95.66	Tốt
2	Sở Nội vụ	96.43	76.42	19.10	95.52	95.52	Tốt
3	Sở Ngoại vụ	93.39	74.43	20.96	95.39	95.39	Tốt
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	93.88	75.09	19.10	94.19	94.19	Tốt
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	96.86	72.15	20.98	93.13	93.13	Tốt
6	Sở Tư pháp	91.52	71.11	20.74	91.86	91.86	Tốt
7	Sở Công Thương	96.42	72.37	19.26	91.63	91.63	Tốt
8	Sở Thông tin và Truyền thông	92.41	73.87	17.68	91.55	91.55	Tốt
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	91.33	72.24	16.82	89.07	89.07	Khá
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	88.39	69.34	19.69	89.02	89.02	Khá
11	Văn phòng UBND tỉnh	92.35	68.56	19.18	87.74	87.74	Khá
12	Sở Giao thông vận tải	94.9	66.56	20.96	87.52	87.52	Khá
13	Sở Khoa học và Công nghệ	92.86	71.03	16.37	87.40	87.40	Khá
14	Sở Tài chính	91.16	66.60	19.67	86.27	86.27	Khá
15	Ban Quản lý Khu kinh tế	84.67	67.04	19.18	86.22	86.22	Khá
16	Ban Dân tộc	87.5	68.79	17.24	86.03	86.03	Khá
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	84.04	64.51	19.33	83.84	83.84	Khá
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	88.01	65.50	17.93	83.43	83.43	Khá
19	Sở Y tế	79.26	62.06	18.39	80.45	80.45	Khá
20	Thanh tra tỉnh	70.66	64.20	16.03	80.23	80.23	Khá

**Phụ lục 2**

**Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của UBND các  
huyện, thị xã, thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 729 /QĐ-UBND  
ngày 20 / 4 /2022 của UBND tỉnh)*

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng điểm 2020	Điểm thẩm định 2021	Điểm ĐTXHH 2021	Tổng điểm 2021	Chỉ số CCHC 2021 (%)	Xếp loại
1	Thị xã Bình Long	87.58	70.81	20.31	91.12	91.12	Tốt
2	Thành phố Đồng Xoài	90.61	66.86	21.90	88.76	88.76	Khá
3	Huyện Lộc Ninh	87.36	66.09	21.32	87.41	87.41	Khá
4	Huyện Phú Riềng	89.04	68.31	18.97	87.28	87.28	Khá
5	Huyện Bù Đăng	86.59	66.04	21.07	87.11	87.11	Khá
6	Huyện Chơn Thành	88.9	65.35	20.06	85.41	85.41	Khá
7	Huyện Bù Đốp	80.69	64.60	20.81	85.41	85.41	Khá
8	Huyện Hớn Quản	84.31	65.27	19.81	85.08	85.08	Khá
9	Thị xã Phước Long	80.25	65.77	18.54	84.31	84.31	Khá
10	Huyện Bù Gia Mập	89.34	63.93	19.40	83.33	83.33	Khá
11	Huyện Đồng Phú	80.5	62.50	17.51	80.02	80.02	Khá